

Câu 81: Động vật nào sau đây có ống tiêu hóa để tiêu hóa thức ăn?

- A. Chim. B. Ruột khoang. C. Giun dẹp. D. Trùng giày.

Câu 82: Ở ruồi giấm, alen A quy định thân xám trội hoàn toàn so với alen a quy định thân đen; alen B quy định cánh dài trội hoàn toàn so với alen b quy định cánh cụt; hai cặp gen này cùng nằm trên một cặp nhiễm sắc thể thường. Alen D quy định mắt đỏ trội hoàn toàn so với alen d quy định mắt trắng, gen quy định màu mắt nằm trên vùng không tương đồng của nhiễm sắc thể giới tính X. Cho giao phối giữa ruồi cái thân xám, cánh dài, mắt đỏ với ruồi đực thân đen, cánh cụt, mắt trắng thu được F₁ 100% ruồi thân xám, cánh dài, mắt đỏ. Cho F₁ giao phối với nhau được F₂ xuất hiện tỉ lệ kiểu hình ruồi thân xám, cánh dài, mắt đỏ và kiểu hình ruồi đực thân đen, cánh dài, mắt đỏ là 51,25%. Nếu không có đột biến thì trong các kết luận sau, có bao nhiêu kết luận đúng?

I. Con ruồi cái F₁ có tần số hoán vị gen là 30%.

II. Con ruồi cái F₁ có kiểu gen $\frac{AB}{ab} X^D X^d$.

III. Tỉ lệ ruồi cái dị hợp 3 cặp gen ở F₂ là 15%.

IV. Tỉ lệ kiểu hình mang 2 tính trạng trội và 1 tính trạng lặn ở F₂ là 31,25%.

V. Lấy ngẫu nhiên 2 cá thể thân xám, cánh dài, mắt đỏ ở F₂, xác suất lấy được một con cái thuần chủng là 14,2%.

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 83: Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng khi nói về hệ hô hấp và hệ tuần hoàn ở động vật?

I. Tất cả các động vật có hệ tuần hoàn kép thì phổi đều được cấu tạo bởi nhiều phế nang.

II. Ở thú, huyết áp trong tĩnh mạch thấp hơn huyết áp trong mao mạch.

III. Ở tâm thất của cá và bò sát đều có sự pha trộn giữa máu giàu O₂ và máu giàu CO₂.

IV. Trong hệ tuần hoàn kép, máu trong động mạch luôn giàu O₂ hơn máu trong tĩnh mạch.

- A. 2. B. 4. C. 3. D. 1.

Câu 84: Khi nói về mã di truyền, phát biểu nào sau đây đúng?

A. Codon 3'UAA5' quy định tín hiệu kết thúc quá trình dịch mã.

B. Ở sinh vật nhân thực, codon 3'AUG5' có chức năng khởi đầu dịch mã và mã hóa axit amin metionin.

C. Với ba loại nucleotit A, U, G có thể tạo ra 24 loại codon mã hóa các axit amin.

D. Tính thoái hóa của mã di truyền có nghĩa là mỗi codon có thể mã hóa cho nhiều loại axit amin.

Câu 85: Các phát biểu nào sau đây đúng với đột biến đảo đoạn nhiễm sắc thể?

I. Làm thay đổi trình tự phân bố gen trên nhiễm sắc thể.

II. Làm giảm hoặc tăng số lượng gen trên nhiễm sắc thể.

III. Làm thay đổi thành phần gen trong nhóm gen liên kết.

IV. Có thể làm giảm khả năng sinh sản của thể đột biến.

- A. II, IV. B. I, IV. C. I, II. D. II, III.

Câu 86: Dùng consixin xử lý hợp tử có kiểu gen AaBb, sau đó cho phát triển thành cây hoàn chỉnh thì có thể tạo ra được thể tứ bội có kiểu gen

- A. AAaaBBbb. B. AAAaBBbb. C. AaaaBBbb. D. AAaaBbbb.

Câu 87: Ở một loài động vật lưỡng bội, tính trạng màu mắt được quy định bởi một gen nằm trên nhiễm sắc thể thường và có 4 alen, các alen trội là trội hoàn toàn. Người ta tiến hành các phép lai sau:

Phép lai	Kiểu hình P	Tỉ lệ kiểu hình ở F ₁			
		Đỏ	Nâu	Vàng	Trắng
1	Cá thể đực mắt đỏ x cá thể cái mắt nâu	1	2	1	0
2	Cá thể đực mắt vàng x cá thể cái mắt vàng	0	0	3	1

Biết rằng không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Ở loài này, kiểu hình mắt nâu được quy định bởi 4 loại kiểu gen.

II. F₁ của phép lai 1 có kiểu gen phân li theo tỉ lệ 1 : 1 : 1 : 1.

III. Ở loài này, cho cá thể đực mắt đỏ giao phối với cá thể cái mắt vàng, có tối đa 2 phép lai cho đời con có tỉ lệ kiểu hình 1 : 2 : 1.

IV. Cho cá thể cái mắt nâu ở P của phép lai 1 giao phối với cá thể đực mắt vàng ở P của phép lai 2, thu được đời con có kiểu hình phân li theo tỉ lệ 1 : 1.

A. 1.

B. 3.

C. 4.

D. 2.

Câu 88: Một đoạn mạch gốc của một gen có trình tự các nuclêôtit là 5'AGXXGAXXXGGG 3'.

Trình tự các nuclêôtit ở đoạn mạch bổ sung của gen đó là

A. 5' XXXGGGTAGGXT 3'.

B. 5' XXXGGXTXGGXT 3'.

C. 5' XXXGGGTGXXT 3'.

D. 5' XXXGGGTXGGXT 3'.

Câu 89: Một gen sau khi bị đột biến có chiều dài không đổi nhưng tăng lên 2 liên kết hiđrô. Gen này bị đột biến thuộc dạng

A. Thay thế 2 cặp A - T bằng 2 cặp G - X.

B. Thêm một cặp A - T và thay thế 2 cặp A - T bằng 2 cặp G - X.

C. Thêm một cặp A - T hoặc thay thế 2 cặp A - T bằng hai cặp G - X.

D. Thêm một cặp A - T.

Câu 90: Một loài thực vật, tiến hành phép lai P: AAbb × aaBB, thu được các hợp tử lưỡng bội. Xử lý các hợp tử này bằng cônsixin để tạo các hợp tử tứ bội. Biết rằng hiệu quả gây tứ bội là 36%; các hợp tử đều phát triển thành các cây F₁; các cây F₁ đều giảm phân tạo giao tử, các cây tứ bội chỉ tạo giao tử lưỡng bội. Theo lí thuyết, giao tử gồm toàn alen trội của F₁ chiếm tỉ lệ

A. 34%.

B. 32%.

C. 22%.

D. 17%.

Câu 91: Ở phép lai ♂AaBb × ♀aabb. Nếu trong quá trình tạo giao tử đực, cặp NST mang cặp gen Aa không phân li trong giảm phân I, giảm phân II diễn ra bình thường. Quá trình giảm phân tạo giao tử cái diễn ra bình thường thì qua thụ tinh sẽ tạo ra các loại hợp tử có kiểu gen

A. aaaBb, aaabb, aBb, abb.

B. AaaBb, aaabB, Abb, abb.

C. AaaBb, Aaabb, aBb, abb.

D. AAaBb, AAabb, aBb, abb.

Câu 92: Theo thuyết tiến hóa hiện đại, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Chọn lọc tự nhiên luôn làm thay đổi đột ngột tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể.

II. Quá trình tiến hóa nhỏ diễn ra trên quy mô quần thể và diễn biến không ngừng dưới tác động của các nhân tố tiến hóa.

III. Các yếu tố ngẫu nhiên làm nghèo vốn gen quần thể, giảm sự đa dạng di truyền nên luôn dẫn tới tiêu diệt quần thể.

IV. Khi không có tác động của các nhân tố: đột biến, chọn lọc tự nhiên và di - nhập gen thì tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể sẽ không thay đổi.

A. 3.

B. 4.

C. 2.

D. 1.

Câu 93: Một quần thể thực vật tự thụ phấn có tỉ lệ kiểu gen ở thế hệ P là: 0,45AA : 0,30Aa : 0,25aa.

Tính theo lí thuyết, tỉ lệ các kiểu gen thu được ở F₁ là

A. 0,36AA : 0,24Aa : 0,40aa.

B. 0,525AA : 0,150Aa : 0,325aa.

C. 0,7AA : 0,2Aa : 0,1aa.

D. 0,36AA : 0,48Aa : 0,16aa.

Câu 94: Cho một số bệnh, tật, hội chứng di truyền ở người:

I. Tật có túm lông trên vành tai.

II. Hội chứng Đào.

III. Tật xương chi ngắn.

IV. Bệnh pheninkêto niệu.

V. Bệnh bạch tạng.

VI. Hội chứng Tơcnơ.

VII. Bệnh ung thư máu. VIII. Bệnh hồng cầu hình lưỡi liềm. IX. Bệnh mù màu.

Có bao nhiêu bệnh, tật và hội chứng di truyền do đột biến gen?

A. 6.

B. 5.

C. 3.

D. 4.

Câu 95: Ở một loài thực vật, xét 2 cặp gen nằm trên cùng 1 cặp NST quy định 2 tính trạng, các alen trội là trội hoàn toàn. Cho cây dị hợp tử về 2 cặp gen lai phân tích, thu được F_1 . Theo lý thuyết, tỉ lệ kiểu hình nào sau đây không thể xuất hiện ở F_1 ?

A. 1 : 1 : 1 : 1.

B. 3 : 1 : 3 : 1.

C. 1 : 1.

D. 51 : 24 : 24 : 1.

Câu 96: Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng khi nói về quá trình quang hợp của thực vật?

I. Pha sáng chuyển quang năng thành hóa năng trong ATP và NADPH.

II. O_2 tạo ra trong quá trình quang hợp có nguồn gốc từ CO_2 .

III. Chu trình Calvin chỉ xảy ra trong pha tối của thực vật C_3 .

IV. ALPG từ chu trình Calvin chuyển hóa thành cacbohidrat, prôtêin, lipit.

A. 3.

B. 4.

C. 1.

D. 2.

Câu 97: Một loài động vật có 4 cặp nhiễm sắc thể được kí hiệu là Aa, Bb, Dd và Ee. Trong các cơ thể có bộ nhiễm sắc thể sau đây, có bao nhiêu thể ba?

I. AaBbDdEe.

II. ABbDdEe.

III. AaBBbDdEe.

IV. AaBbDdEe.

V. AaBbdEe.

VI. AaBbDdEe.

A. 3.

B. 4.

C. 5.

D. 2.

Câu 98: Ở một loài sinh vật xét một locut gồm hai alen A và a, trong đó alen A là một đoạn ADN dài 306 nm và có 2338 liên kết hidro, alen a là sản phẩm đột biến từ alen A. Một tế bào xôma chứa cặp alen Aa tiến hành nguyên phân liên tiếp 3 lần số nucleotit cần thiết cho quá trình nhân đôi của các alen là 5061 A và 7532 G. Theo lý thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Gen A có chiều dài lớn hơn gen a.

II. Gen A có $G = X = 538$; $A = T = 362$.

III. Gen a có $A = T = 360$; $G = X = 540$.

IV. Đây là dạng đột biến thay thế một cặp A - T bằng 1 cặp G - X.

A. 4.

B. 3.

C. 1.

D. 2.

Câu 99: Cho cây dị hợp tử 2 cặp gen (A, a và B, b) có kiểu gen giống nhau giao phần với nhau, F_1 thu được 7 loại kiểu gen, trong đó tổng kiểu gen đồng hợp 2 cặp gen trội và đồng hợp 2 cặp gen lặn là 40%. Biết rằng 2 cặp gen quy định 2 cặp tính trạng, alen trội là trội hoàn toàn. Theo lý thuyết, phát biểu nào sau đây là đúng về phép lai trên?

A. Ở F_1 , kiểu hình có 1 tính trạng trội và 1 tính trạng lặn chiếm 5%.

B. Hoán vị gen đã xảy ra ở cả 2 giới với tần số là 20%.

C. Ở F_1 , kiểu gen có 2 alen trội chiếm tỉ lệ 70%.

D. Ở F_1 , kiểu gen có 3 alen trội chiếm tỉ lệ 10%.

Câu 100: Một quần thể giao phối có thành phần kiểu gen: 0,6 AA : 0,4 Aa. Tần số tương đối của alen A và alen a trong quần thể đó là

A. $A = 0,3$; $a = 0,7$.

B. $A = 0,8$; $a = 0,2$.

C. $A = 0,2$; $a = 0,8$.

D. $A = 0,4$; $a = 0,6$.

Câu 101: Khi lai hai thứ bí ngô quả tròn thuần chủng với nhau thu được F_1 gồm toàn bí ngô quả dẹt. Cho F_1 tự thụ phấn thu được F_2 có tỉ lệ kiểu hình là 9 quả dẹt : 6 quả tròn : 1 quả dài. Tính trạng hình dạng quả bí ngô

A. di truyền theo quy luật liên kết gen.

B. di truyền theo quy luật tương tác cộng gộp.

C. do một cặp gen quy định.

D. di truyền theo quy luật tương tác bổ sung.

Câu 102: Cho các bước tạo động vật chuyển gen:

I. Lấy trứng ra khỏi con vật.

II. Cây phôi đã được chuyển gen vào tử cung con vật khác để nó mang thai và sinh đẻ bình thường.

III. Cho trứng thụ tinh trong ống nghiệm.

IV. Tiêm gen cần chuyển vào hợp tử và hợp tử phát triển thành phôi.

Trình tự đúng trong quy trình tạo động vật chuyển gen là

A. I, IV, III, II.

B. I, III, IV, II.

C. II, III, IV, I.

D. III, IV, II, I.

Câu 103: Trong tạo giống bằng ưu thế lai, người ta không dùng con lai F_1 làm giống vì

A. tần số hoán vị gen cao, tạo điều kiện cho các gen quý tổ hợp lại trong 1 nhóm gen.

B. các gen tác động qua lại với nhau dễ gây đột biến gen.

- C. tỉ lệ tổ hợp đồng hợp lặn tăng.
D. đời con sẽ phân li, ưu thế lai giảm dần.

Câu 104: Khi nói về vai trò của các nhân tố tiến hóa, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Yếu tố ngẫu nhiên và đột biến gen có vai trò tạo ra nguồn nguyên liệu cho quá trình tiến hóa.
B. Chọn lọc tự nhiên và yếu tố ngẫu nhiên làm thay đổi tần số alen theo hướng xác định.
C. Giao phối không ngẫu nhiên và di nhập gen đều làm thay đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể.
D. Đột biến gen và nhập cư có thể làm phong phú vốn gen trong quần thể.

Câu 105: Ở một loài thực vật, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp. Phép lai (P) ♂AAAA × ♀aaaa, thu được F₁. Cho cây F₁ tự thụ phấn, thu được F₂. Cho cây thân cao F₂ giao phấn ngẫu nhiên, thu được F₃. Biết rằng thể tứ bội giảm phân chỉ cho giao tử lưỡng bội có khả năng thụ tinh. Theo lý thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Cây thân cao F₂ có tối đa 4 kiểu gen.
II. Cây F₃ gồm có tối đa 5 kiểu gen và 2 kiểu hình.
III. Tỉ lệ kiểu hình thân cao ở F₃ là 96%.
IV. Tỉ lệ kiểu hình thân cao có kiểu gen đồng hợp tử ở F₃ là 64/1225.

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 106: Theo lý thuyết phép lai nào sau đây cho đời con có 2 loại kiểu gen?

- A. Aa x aa. B. aa x AA. C. Aa x Aa. D. AA x AA.

Câu 107: Một quần thể thực vật tự thụ phấn, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp; alen B quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen b quy định hoa trắng. Thế hệ xuất phát (P) của quần thể này có thành phần kiểu gen là 0,2 AABB : 0,4 Aabb : 0,2 aaBb : 0,2 aabb. Cho rằng quần thể không chịu tác động của các nhân tố tiến hóa khác. Theo lý thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. F₂ có tối đa 9 loại kiểu gen.
II. Tỉ lệ kiểu gen dị hợp tử giảm dần qua các thế hệ.
III. Trong tổng số cây thân cao, hoa đỏ ở F₂, cây thuần chủng chiếm có 20%.
IV. Ở F₃, số cây có kiểu gen dị hợp tử về 1 trong 2 cặp gen chiếm tỉ lệ 3/40.

- A. 4. B. 2. C. 3. D. 1.

Câu 108: Giả sử trong quần thể của một loài động vật phát sinh một đột biến lặn, trường hợp nào sau đây đột biến sẽ nhanh chóng trở thành nguyên liệu cho chọn lọc tự nhiên?

- A. Đột biến xuất hiện ở loài sinh sản vô tính, cá thể con được sinh ra từ cá thể mẹ.
B. Đột biến xuất hiện ở loài sinh sản hữu tính, các cá thể giao phối cận huyết.
C. Đột biến xuất hiện ở quần thể của loài sinh sản hữu tính, các cá thể tự thụ tinh.
D. Đột biến xuất hiện ở loài sinh sản hữu tính, các cá thể giao phối có lựa chọn.

Câu 109: Khi nghiên cứu sự thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể qua bốn thế hệ liên tiếp thu được kết quả như sau:

Thế hệ	Kiểu gen AA	Kiểu gen Aa	Kiểu gen aa
F ₁	0,49	0,42	0,09
F ₂	0,36	0,48	0,16
F ₃	0,25	0,5	0,25
F ₄	0,16	0,48	0,36

Quần thể trên đang chịu sự chi phối của nhân tố tiến hóa là

- A. chọn lọc tự nhiên và đột biến. B. chọn lọc tự nhiên chống lại alen lặn.
C. chọn lọc tự nhiên và giao phối ngẫu nhiên. D. chọn lọc tự nhiên chống lại alen trội.

Câu 110: Vi khuẩn amôn hóa tham gia vào quá trình chuyển hóa

- A. N₂ thành NH₄⁺. B. NH₄⁺ thành NO₃⁻.
C. vật chất hữu cơ thành NH₄⁺. D. NO₃⁻ thành NH₄⁺.

Câu 111: Các nghiên cứu về giải phẫu cho thấy có nhiều loài sinh vật có nguồn gốc khác nhau và thuộc các bậc phân loại khác nhau nhưng sống trong cùng một môi trường nên được chọn lọc tự nhiên tích lũy các biến dị theo một hướng. Ví dụ nào sau đây phản ánh sự tiến hóa của sinh vật theo xu hướng đó?

- A. Gaicây hoàngliênlàbiểndạngcủalá,gaicây hoahồnglàdosựpháttriểncủabiểubì thân.
 B. Tronghoa đượccủacâyđủđủcó10nhị,ởgiữahoavẫncònditích củanhụy.
 C. Chitrướccủacáclòaidộngvậtcóxuongổngcó cácxuongphân bốtho thứ tặtrongtặnhau.
 D. Gaixuongrồng,tuacuốncủadậuHàLậndềulàbiểndạngcủalá.

Câu 112: Cho cây (P) thân cao, hoa đỏ tự thụ phấn, thu được F_1 gồm: 37,5% cây thân cao, hoa đỏ; 37,5% cây thân cao, hoa trắng; 18,75% cây thân thấp, hoa đỏ; 6,25% cây thân thấp, hoa trắng. Biết tính trạng chiều cao cây do một cặp gen (A, a) quy định, tính trạng màu sắc hoa do hai cặp gen (B, b và D, d) quy định, không có hoán vị gen và không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Kiểu gen của cây P có thể là $\frac{AB}{ab} Dd$.

II. Nếu cho cây (P) giao phấn với cây có kiểu gen đồng hợp tử lặn về ba cặp gen trên thì tỉ lệ phân li kiểu hình ở đời con là 1 : 2 : 1.

III. F_1 có 30 kiểu gen.

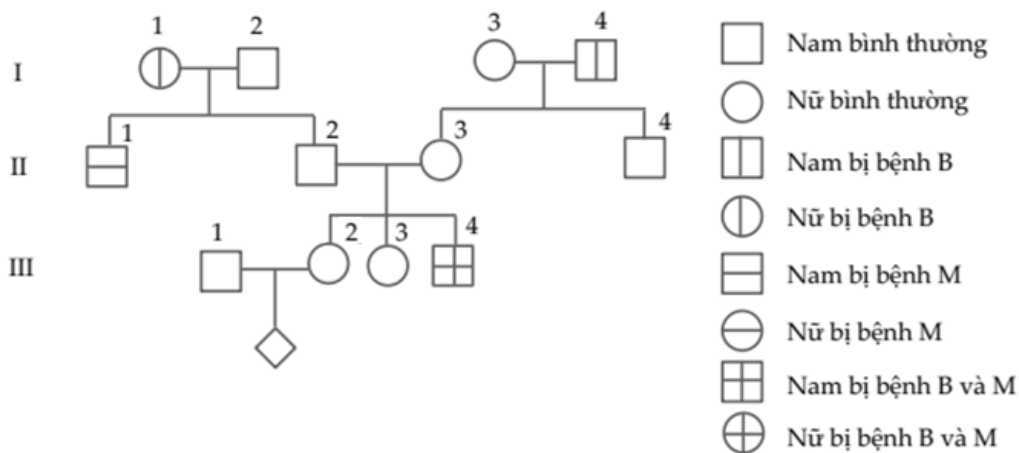
IV. F_1 có số cây thân cao, hoa trắng thuần chủng chiếm 25%.

- A. 3. B. 4. C. 1. D. 2.

Câu 113: Ở người, alen M quy định mắt nhìn màu bình thường trội hoàn toàn so với alen m quy định bệnh mù màu đỏ lục. Theo lí thuyết, cặp vợ chồng nào sau đây có khả năng sinh con gái bị bệnh mù màu đỏ lục với xác suất 50%?

- A. $X^M X^m \times X^m Y$. B. $X^M X^M \times X^m Y$. C. $X^m X^m \times X^M Y$. D. $X^m X^m \times X^m Y$.

Câu 114: Phả hệ ở hình dưới đây mô tả sự di truyền bệnh B và M. Bệnh B do một trong hai alen của một gen quy định. Bệnh M do một trong hai alen của một gen nằm ở vùng không tương đồng trên NST giới tính X quy định. Biết rằng không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?



I. Gen quy định bệnh B nằm trên NST thường.

II. Có thể xác định chính xác kiểu gen của 5 người trong phả hệ trên.

III. Biết bên gia đình của người chồng III.1 chỉ có em trai bị cả hai bệnh B và M, những người còn lại trong gia đình đều bình thường. Xác suất sinh con trai bình thường của cặp III.1 và III.2 là 1/8.

IV. III.2 và III.3 chắc chắn có kiểu gen giống nhau.

- A. 4. B. 2. C. 1. D. 3.

Câu 115: Một trong những đặc điểm của thường biến là

- A. xuất hiện đột ngột và riêng lẻ.
 B. phát sinh trong quá trình sinh sản hữu tính.
 C. di truyền được cho đời sau và là nguyên liệu của tiến hoá.
 D. giúp sinh vật thích nghi với sự thay đổi của môi trường.

Câu 116: Giống lúa, alen quy định hạt dài trội hoàn toàn so với alen quy định hạt tròn. Một trung tâm giống đã tạo ra giống lúa hạt dài. Để kiểm tra độ thuần chủng của giống này, người ta

lấy ngẫu nhiên 3000 hạt đem gieo thành cây, sau đó cho 3000 cây này tự thụ, thu được đời con có 98% cây hạt dài. Theo lý thuyết, dự đoán nào sau đây đúng?

- A. Trong số 3000 hạt lấy ngẫu nhiên đem gieo có 240 hạt có kiểu gen đồng hợp tử.
- B. Trong số 3000 hạt lấy ngẫu nhiên đem gieo, số hạt vàng có kiểu gen dị hợp tử chiếm tỉ lệ 4%.
- C. Nếu cho 3000 cây trên giao phấn với nhau thì ở đời con số cây hạt dài chiếm tỉ lệ 97%.
- D. Nếu cho 3000 cây trên giao phấn với cây hạt tròn thì ở đời con số cây hạt tròn chiếm tỉ lệ 4%.

Câu 117: Phát biểu nào sau đây là **sai** khi nói về hoán vị gen?

- A. Hoán vị gen chỉ xảy ra ở giới cái và tần số hoán vị gen không thể đạt 50%.
- B. Hoán vị gen xảy ra là do trao đổi chéo giữa các NST tương đồng trong giảm phân.
- C. Tần số hoán vị gen được tính bằng tỉ lệ phần trăm số cá thể có tái tổ hợp gen.
- D. Tần số đột biến gen tỉ lệ thuận với khoảng cách tương đối giữa các gen trên NST.

Câu 118: Khi nói về đột biến lặp đoạn NST, phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Đột biến lặp đoạn có thể dẫn đến lặp gen, tạo điều kiện cho đột biến gen, tạo ra các gen mới.
- B. Đột biến lặp đoạn luôn có lợi cho thể đột biến.
- C. Đột biến lặp đoạn làm tăng số lượng gen trên 1 NST.
- D. Đột biến lặp đoạn có thể làm cho 2 alen của 1 gen cùng nằm trên 1 NST.

Câu 119: Hai tế bào sinh tinh đều có kiểu gen $\frac{AB}{ab}$ Dd giảm phân bình thường nhưng xảy ra hoán vị gen ở một trong hai tế bào. Theo lý thuyết, số loại giao tử tối đa được tạo ra là

- A. 16.
- B. 4.
- C. 6.
- D. 8.

Câu 120: Ở một loài thực vật, xét 2 tính trạng, mỗi tính trạng do 1 gen có 2 alen quy định, các alen trội là trội hoàn toàn. Cho 2 cây (P) đều có kiểu hình trội về 2 tính trạng giao phấn với nhau, thu được F_1 có tổng tỉ lệ các loại kiểu gen đồng hợp 2 cặp gen trội và đồng hợp 2 cặp gen lặn chiếm 50%. Cho các phát biểu sau:

- I. F_1 có 2 loại kiểu gen quy định kiểu hình trội về 2 tính trạng.
- II. F_1 có tỉ lệ kiểu gen 1 : 2 : 1.
- III. Trong các kiểu gen ở F_1 , kiểu gen dị hợp 2 cặp gen chiếm tỉ lệ lớn nhất.
- IV. Trong tổng số cây có kiểu hình trội về 2 tính trạng, cây có kiểu gen đồng hợp 2 cặp gen chiếm tỉ lệ 1/3.

Theo lý thuyết, trong các phát biểu trên, có bao nhiêu phát biểu đúng?

- A. 2.
- B. 1.
- C. 4.
- D. 3.

--- HẾT ---

ĐÁP ÁN MÃ ĐỀ 201

Câu 81	Câu 82	Câu 83	Câu 84	Câu 85
A	C	D	C	B
Câu 86	Câu 87	Câu 88	Câu 89	Câu 90
A	D	D	A	D
Câu 91	Câu 92	Câu 93	Câu 94	Câu 95
C	D	B	A	D
Câu 96	Câu 97	Câu 98	Câu 99	Câu 100
D	D	D	D	B
Câu 101	Câu 102	Câu 103	Câu 104	Câu 105
D	B	D	D	D
Câu 106	Câu 107	Câu 108	Câu 109	Câu 110
A	B	C	D	C
Câu	Câu	Câu	Câu	Câu

111	112	113	114	115
A	C	D	C	D
Câu 116	Câu 117	Câu 118	Câu 119	Câu 120
D	A	B	C	C

Tuyensinh247.com